

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28-3-2022
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bùi Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thi Amina; bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Tuyết Nhung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Giàu – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 463/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 28 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị Y, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1982; cư trú tại: Tổ A, ấp B, xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh.

Chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08 tháng 10 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Y trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh T tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TC, tỉnh Tây Ninh vào năm 2006. Cuộc sống vợ chồng giữa chị và anh T trong thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hiện hai vợ chồng đã sống ly thân. Do cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, người nào chỉ biết bốn phận người đó, mâu thuẫn giữa hai vợ

chồng đã trầm trọng; nay sống ly thân đã lâu nên không còn tình cảm vợ chồng, chị khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh T .

- Về con chung: Chị và anh T chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2017 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02-12-2011. Hiện tại hai con chung đang sống cùng với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 11 năm 2021, bị đơn anh Nguyễn Minh T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất với trình bày của chị Y về quan hệ hôn nhân là tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, theo anh không có mâu thuẫn gì lớn, do anh hay ghen tuông nên hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần anh đánh chị Y. Nhưng nay anh biết lỗi và xin đoàn tụ do còn thương vợ con.

- Về con chung: Anh và chị Y chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2017 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02-12-2011 như chị Y trình bày. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị Y nuôi con chung, anh không cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản pháp luật và việc tuân thủ quy định pháp luật của người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng đều bảo đảm đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Do chị Y là nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt, anh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Y, anh T.

- Về việc giải quyết nội dung vụ án:

+ Về hôn nhân: Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị Y đối với anh Nguyễn Minh T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2007, Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02-12-2011 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng; ghi nhận chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Y có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Xét nội dung yêu cầu trong đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án của chị Y:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Y, anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện TC năm 2006, là hôn nhân hợp pháp. Xét lời khai của chị Y, anh T và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Chị Y trình bày vào năm 2006, chị tự nguyện sống vợ chồng với anh T, nhưng đời sống chung không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn; chị Y và anh T hiện tại đã sống ly thân. Tại biên bản lấy lời khai (bút lục 17) anh T thừa nhận hai vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau và anh có đánh chị Y. Mặt khác, hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân. Xét thấy, hôn nhân giữa chị Y và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Y có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Y và anh T có 02 con chung tên là Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2017 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02-12-2011. Hiện tại hai con chung đang sống cùng với chị Y. Tại biên bản lấy lời khai hai con chung (bút lục số 22, 23) thì cháu B và cháu N có nguyện vọng được sống chung cùng với chị Y. Mặt khác, chị Y, anh T đã sống ly thân nên giao hai con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận tạm thời chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Y và anh T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Dương Thị Y phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 146, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Y. Cho chị Dương Thị Y được ly hôn với anh Nguyễn Minh T.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 14-11-2007 và Nguyễn Bảo N, sinh ngày 02-12-2011 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận tạm thời chị Y không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị Dương Thị Y, anh Nguyễn Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Y phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Y đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0006789 ngày 20 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Chị Y đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Báo cho anh Nguyễn Minh T và chị Dương Thị Y biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THA DS huyện Tân Châu;
- Những người tham gia tố tụng;
- UBND xã Tân Đông;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn (T).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Bùi Toàn